

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	CÁC LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ PHƯƠNG ĐÔNG		
Mã học phần:	71ORIE30042	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ORIE30042_01; 241_71ORIE30042_02		
Hình thức thi: Tiểu luận	Thời gian làm bài:	10	ngày
☒ Cá nhân	☐ Nhóm		
Quy cách đặt tên file	Mã SV_Họ và tên SV_Tên tiểu luận		

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích được các đặc trưng của ngôn ngữ khu vực và lý giải một số vấn đề ngôn ngữ khu vực phương Đông.	Tiểu luận	30	Câu 1 Câu 2	Câu 1: 1 điểm Câu 2: 2 điểm	PI2.1
CLO2	Lý giải được các nét đặc trưng về loại hình ngôn ngữ phương Đông với các loại hình ngôn ngữ khác trên thế giới.	Tiểu luận	30	Câu 1 Câu 2	Câu 1: 5 điểm Câu 2: 1 điểm	PI2.1
CLO3	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng: đọc và hệ thống tư liệu, soạn thảo văn bản vào việc phân tích các	Tiểu luận	20	Câu 2	1 điểm	PI5.2

	đặc trưng ngôn ngữ khu vực phương Đông.					
CLO4	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng tổng quát: tư duy phân tích, tư duy hệ thống vào việc trình bày các nét đặc trưng của ngôn ngữ khu vực phương Đông.	Tiểu luận	20	Câu 2	1 điểm	PI8.2

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Câu số 1 (6 điểm):

1. Trình bày các đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập. **(1 điểm)**
2. Hãy phân tích đặc điểm hình thái của hai câu dưới đây để làm rõ sự khác biệt giữa tiếng Anh (ngôn ngữ hòa kết) và tiếng Việt (ngôn ngữ đơn lập):

Tiếng Anh: The student studies diligently every day.

Tiếng Việt: Sinh viên học chăm chỉ mỗi ngày.

Cụ thể, hãy phân tích dựa trên các khía cạnh sau:

Sự biến đổi hình thái của từ: So sánh sự biến đổi của động từ "study" trong tiếng Anh với động từ "học" trong tiếng Việt ở các thì hoặc ngữ cảnh khác nhau. **(1 điểm)**

Sử dụng hình vị: Xác định các hình vị (nếu có) trong hai câu và giải thích vai trò của chúng. So sánh cách thức tiếng Anh và tiếng Việt sử dụng hình vị để thể hiện các ý nghĩa ngữ pháp. **(1.5 điểm)**

Vị trí từ trong câu: Phân tích vai trò của vị trí từ trong việc xác định chức năng ngữ pháp của các thành phần câu trong tiếng Anh và tiếng Việt. **(1 điểm)**

3. Trong các đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập, có đặc điểm **“từ loại không được thể hiện rõ ràng”**. Hãy cho **ít nhất hai ví dụ về những từ cụ thể** trong Tiếng Việt hoặc Tiếng Trung có thể đảm nhiệm nhiều chức năng ngữ pháp khác nhau. **Phân tích ngữ cảnh của mỗi ví dụ** để làm rõ chức năng ngữ pháp của từ đó và giải thích tại sao ví dụ đó chứng minh được đặc điểm "từ loại không rõ ràng" của ngôn ngữ đơn lập. **(1.5 điểm)**

Câu số 2 (4 điểm):

Ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là tấm gương phản chiếu văn hóa và tư duy của một dân tộc. Mỗi ngôn ngữ đều mang những đặc trưng loại hình riêng biệt, ảnh hưởng sâu sắc đến các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội, từ văn học, nghệ thuật đến phong tục tập quán, lối sống và tư duy.

Sinh viên hãy vận dụng kiến thức về loại hình ngôn ngữ để ***phân tích một ngôn ngữ phương Đông cụ thể*** (tiếng Trung, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật), ***từ đó làm sáng tỏ mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và văn hóa***. (Ví dụ: *Ảnh hưởng của tính tượng hình trong tiếng Trung đến hội họa truyền thống Trung Quốc; Vai trò của kính ngữ trong tiếng Hàn đối với quan hệ xã hội và giao tiếp ứng xử của người Hàn Quốc; Sự đa dạng của các cách nói kính ngữ trong tiếng Nhật và ảnh hưởng của nó đến văn hóa ứng xử của người Nhật*)

Yêu cầu:

- Mô tả những đặc trưng loại hình nổi bật của ngôn ngữ đã chọn (âm vị học, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, chữ viết...).
- Phân tích ảnh hưởng của những đặc trưng này đến khía cạnh văn hóa/xã hội đã chọn.
- Minh họa bằng các ví dụ cụ thể và phân tích chi tiết.
- Đánh giá mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và khía cạnh văn hóa/xã hội đã chọn.
- Rút ra những nhận xét tổng quát về vai trò của ngôn ngữ trong việc hình thành và phát triển văn hóa.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

- Các mục cần có trong tiểu luận: Bìa, mục lục (làm tự động), lời mở đầu, phần nội dung (chia chương mục), kết luận và tài liệu tham khảo.
- Tiểu luận trình bày trên khổ giấy A4 (210 x 297 mm), kiểu trang đứng (portrait).
- Định dạng lề: bottom: 2.0 cm top: 2.0 cm, right: 2,0 cm, left: 2.0 cm.
- Font chữ: Times New Roman.
- Cỡ chữ (phần nội dung): 13
- Giãn dòng: 1.5 lines.
- Giãn đoạn: Top: 0pt, bottom: 6pt.
- Canh đều 2 biên (Justified).
- Đánh số trang.
- Độ dài tối thiểu của tiểu luận: 7 trang/người (chỉ tính phần nội dung).
- Độ dài tối đa của tiểu luận: Không quy định.
- Sinh viên không được phép đạo văn. Nếu tiểu luận bị phát hiện đạo văn quá 25%, sinh viên sẽ được đánh giá không đạt ở bài tiểu luận (0đ). Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn trên 10% nhưng không quá 25%, sinh viên sẽ bị trừ 50% số điểm.

3. Rubric và thang điểm

Hình thức: (40%)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt (8-10đ)	Khá (6-8đ)	Trung bình (4-6đ)	Yếu (dưới 4đ)
Cấu trúc	20%	Bài luận có bố cục rõ ràng, mạch lạc, logic. Các phần mở bài, thân bài, kết luận được trình bày đầy đủ, cân đối.	Bài luận có bố cục tương đối rõ ràng, mạch lạc. Các phần mở bài, thân bài, kết luận cơ bản đầy đủ.	Bài luận có bố cục chưa rõ ràng, mạch lạc. Các phần mở bài, thân bài, kết luận chưa cân đối, thiếu logic.	Bài luận không có bố cục rõ ràng, thiếu mạch lạc, logic. Các phần mở bài, thân bài, kết luận thiếu hoặc không đầy đủ.
Trình bày	10%	Ngôn ngữ trong sáng, chính xác, sử dụng từ ngữ chuyên ngành phù hợp. Trình bày sạch đẹp, dễ đọc.	Ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu. Trình bày tương đối sạch đẹp, dễ đọc.	Ngôn ngữ chưa chính xác, sử dụng từ ngữ chưa phù hợp. Trình bày chưa được sạch đẹp, khó đọc.	Ngôn ngữ lủng củng, khó hiểu, nhiều lỗi chính tả. Trình bày cẩu thả, rất khó đọc.
Chú thích & Tài liệu tham khảo	10%	Chú thích đầy đủ, chính xác theo quy định. Danh mục tài liệu tham khảo phong phú, đáng tin cậy.	Chú thích tương đối đầy đủ, chính xác. Danh mục tài liệu tham khảo đủ số lượng.	Chú thích chưa đầy đủ, có sai sót. Danh mục tài liệu tham khảo hạn chế.	Thiếu chú thích hoặc chú thích sai quy định. Danh mục tài liệu tham khảo sơ sài hoặc không có.

Nội dung: (60%)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt (8-10đ)	Khá (6-8đ)	Trung bình (4-6đ)	Yếu (dưới 4đ)
Hiểu biết	20%	Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc, toàn diện về chủ đề ngôn ngữ đã chọn. Nắm vững những khái niệm, nội hàm của ngôn ngữ học loại hình.	Thể hiện sự hiểu biết tốt về chủ đề ngôn ngữ đã chọn.	Hiểu biết về chủ đề ngôn ngữ còn hạn chế, thiếu sâu sắc.	Hiểu biết về chủ đề ngôn ngữ rất hạn chế, có nhiều sai sót.
Phân tích & Lập luận	20%	Phân tích sâu sắc, đa chiều, có tính phản biện. Lập luận logic, chặt chẽ, thuyết phục.	Phân tích tương đối sâu sắc, có liên hệ, so sánh. Lập luận khá	Phân tích còn sơ sài, thiếu phản biện. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu thuyết phục.	Phân tích hời hợt, thiếu sâu sắc. Lập luận lỏng lẻo, không thuyết phục.

			logic, thuyết phục.		
Vận dụng & Sáng tạo	10%	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ một cách sáng tạo, hiệu quả để giải quyết vấn đề, đề xuất giải pháp. Có cái nhìn mới mẻ, độc đáo.	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ khá tốt để phân tích vấn đề. Đề xuất, giải pháp khá hợp lý.	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ còn hạn chế, chưa sáng tạo. Đề xuất, giải pháp chưa thực sự phù hợp.	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ kém, thiếu sáng tạo. Đề xuất, giải pháp không phù hợp, thiếu tính khả thi.
Liên hệ thực tiễn	10%	Liên hệ sâu sắc với thực tiễn, đưa ra những ví dụ minh họa sinh động, thuyết phục.	Liên hệ với thực tiễn, có những ví dụ minh họa cụ thể.	Liên hệ với thực tiễn còn hạn chế, ví dụ chưa thuyết phục.	Bài luận mang tính lý thuyết suông, thiếu liên hệ thực tiễn.

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

TS. Đinh Thị Lý Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2024

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Nguyễn Đoàn Quang Anh